

# TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ AN SINH XÃ HỘI Ở THÁI LAN - BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS NGUYỄN MINH TRÍ (\*)

**Tóm tắt:** Hơn 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội, qua đó không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, việc thực hiện tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế, cần được nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế để có những bước phát triển hơn nữa. Bài viết phân tích quá trình thực hiện tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội của Vương quốc Thái Lan, qua đó rút ra một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc thực hiện tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội thời gian tới.

**Từ khóa:** An sinh xã hội; tăng trưởng kinh tế; Thái Lan; Việt Nam.

**Abstract:** After more than 30 years of renovation, Vietnam has made important achievements in the implementation of economic growth and social security, thereby continuously improving the material and spiritual lives of the people. However, in addition to positive aspects, the implementation of economic growth and social security in Vietnam still has limitations that need to be reviewed and consulted with international experience for further improvements. This paper analyzes the implementation of economic growth and social security in the Kingdom of Thailand, and draws out some experience lessons for Vietnam in implementing economic growth and social security in the upcoming time.

**Keywords:** Social security; economic growth; Thailand; Vietnam.

Ngày nhận bài: 09/01/2020 Ngày biên tập: 18/02/2020 Ngày duyệt đăng: 17/3/2020

Cùng với các nội dung của sự phát triển xã hội như: chính trị, đạo đức, pháp luật, văn hóa... việc thực hiện tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội đóng vai trò quan trọng đến sự hưng thịnh của mỗi quốc gia, góp phần bảo đảm phân phối những thành quả tăng trưởng kinh tế theo hướng công bằng, tiến bộ xã hội và hài hòa lợi ích giữa các chủ thể, nhóm xã hội cũng như tạo sự đồng thuận xã hội, từ đó cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, chủ thể của quá trình phát triển. Thái Lan là một trong những nước đã có những bước tiến vượt bậc trong quá trình phát triển kinh tế và đảm bảo an

sinh xã hội, nhanh chóng vươn lên trở thành một quốc gia phát triển năng động ở khu vực Đông Nam Á.

## 1. Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng tổng sản phẩm quốc dân hoặc sự gia tăng tổng sản phẩm quốc dân đầu người trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm). Nội hàm của tăng trưởng thể hiện ở quy mô và tốc độ. Quy mô tăng trưởng phản ánh sự gia tăng nhiều hay ít, còn tốc độ tăng trưởng được sử dụng với ý nghĩa so sánh tương đối và phản ánh sự gia tăng nhanh hay chậm của các thời kỳ. Đứng trên góc độ toàn nền kinh tế, thu nhập thường được biểu hiện dưới dạng giá trị, được đo bằng các chỉ tiêu giá trị như: tổng sản phẩm quốc nội (GDP); tổng thu nhập

(\*) Trường Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

quốc dân (GNP); thu nhập bình quân đầu người (GDP/người/năm)... Nếu quy mô và tốc độ tăng trưởng của các chỉ tiêu phản ánh tổng thu nhập và thu nhập bình quân đầu người cao, thì đó là biểu hiện tích cực về mặt lượng của tăng trưởng kinh tế.

Hiện nay, quan niệm về an sinh xã hội vẫn là vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau, nhưng có thể hiểu an sinh xã hội là "hệ thống các chính sách của nhà nước và các nguồn lực xã hội nhằm phòng ngừa, hạn chế, khắc phục những rủi ro do tác động bất thường về kinh tế - xã hội, môi trường, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội"<sup>(1)</sup>. Ở Việt Nam, cấu trúc nội dung của an sinh xã hội gồm giải quyết việc làm, bảo hiểm xã hội, xóa đói giảm nghèo, trợ giúp xã hội, tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

Ở Thái Lan, quan niệm về an sinh xã hội được biết đến từ những năm 1950, nhưng phải 10 năm sau, với sự ủng hộ từ người lao động và các đoàn thể, vấn đề an sinh xã hội mới được chú trọng thông qua việc mở rộng và nâng cao nhận thức đối với công nhân, các chính trị gia, học giả và công chúng. Hệ thống an sinh xã hội ở Thái Lan đảm bảo cho 7 trường hợp tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc: bệnh tật, thai sản, tàn tật, tử vong, trẻ em, người già và thất nghiệp<sup>(2)</sup>.

Tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội trong quan điểm mật xích vì sự phát triển của con người, chủ thể của quá trình phát triển, trong đó tăng trưởng kinh tế chính là điều kiện để thực hiện an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, là thước đo của tiến bộ xã hội; thực hiện an sinh xã hội là yếu tố động lực để có tăng trưởng kinh tế cao, bền vững và thực hiện an sinh xã hội phù hợp sẽ trở thành mục tiêu, động lực để tăng trưởng kinh tế bền vững.

## 2. Thực hiện tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội ở Thái Lan

Năm 1960, Thái Lan tiến hành nền kinh tế thị trường với việc mở cửa và thu hút nguồn đầu tư nước ngoài. Tăng trưởng kinh tế ở Thái Lan thể hiện qua tỷ lệ tăng trưởng GDP tương đối cao và ổn định trong suốt thời kỳ từ năm 1986 đến trước cuộc khủng hoảng tài chính ở

châu Á, trung bình giai đoạn 1987 - 1995 đạt 9%/năm. Tuy nhiên, từ sau khủng hoảng kinh tế năm 1997 - 1998, tỷ lệ tăng trưởng của nền kinh tế Thái Lan giảm xuống mức âm 1,4 và âm 10,5%. Tuy nhiên, từ năm 2000, nền kinh tế Thái Lan đã có dấu hiệu hồi phục, thể hiện GDP năm 2000 đạt 4,6%, năm 2001 đạt 5,2%, năm 2003 đạt 6,7% và năm 2005 đạt 4%<sup>(3)</sup> và tính đến năm 2017, tổng sản phẩm quốc nội của Thái Lan đạt ở mức tăng trưởng 4,3%,...<sup>(4)</sup>. Tốc độ tăng trưởng GDP khá cao đã kéo theo GDP bình quân đầu người của Thái Lan có sự cải thiện đáng kể, tăng từ 2.043 USD năm 2002 lên 2.580 USD năm 2005. Nhưng cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 - 2009 và những tác động về chính trị năm 2010 và giai đoạn 2013 - 2015 đã khiến cho tăng trưởng kinh tế của Thái Lan chậm lại, theo đó tăng trưởng chỉ đạt 0,7% vào năm 2014<sup>(5)</sup> và năm 2019 còn khoảng 2,6%, thay vì dự báo trước đó là tăng 2,7 - 3,2%<sup>(6)</sup>.

Thành tựu về tăng trưởng kinh tế của Thái Lan gắn liền với sự phát triển nhanh chóng của khu vực công nghiệp, dựa vào vốn vay thương mại và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Chính phủ Thái Lan không ngừng hoàn thiện hành lang pháp lý và bộ máy quản lý để tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư tư nhân, huy động nguồn lực cho công nghiệp hóa. Với sự nỗ lực này, "Thái Lan là thị trường đầu tư được xem là hấp dẫn nhất"<sup>(7)</sup>. Tuy nhiên, do chưa có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, đặc biệt là việc quản lý một tài khoản vốn mở cũng như chưa nhận thức đầy đủ các tác động của các loại vốn khác nhau như FDI, vốn vay thương mại, vốn vay ngắn hạn và dài hạn đối với sự ổn định kinh tế và sự yếu kém của các chính sách tài chính - tiền tệ và tỷ giá là những tác nhân chính của cuộc khủng hoảng tài chính nghiêm trọng năm 1997 bắt nguồn từ Thái Lan và lan truyền sang các nền kinh tế khác trong khu vực.

Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế Thái Lan chậm lại, nhưng với quyết tâm chính trị cao, Chính phủ Thái Lan đã có những chính sách xã hội tiến bộ trong việc đảm bảo an sinh xã hội cho mọi người dân, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội, như:

*Một là, thực hiện xóa đói, giảm nghèo.* Thái Lan là một nước thành công trong thực hiện gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt là xóa đói, giảm nghèo. Trước khủng hoảng tài chính - tiền tệ, tình trạng nghèo đói ở Thái Lan đã giảm mạnh cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế cao và liên tục trong suốt nhiều thập kỷ, thể hiện ở tỷ lệ đói nghèo giảm từ 20,15% năm 1990 xuống 6,1% năm 1998<sup>(9)</sup> và tính đến năm 2019, Thái Lan còn 14,5 triệu người nghèo<sup>(9)</sup>, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, chủ yếu do lực lượng lao động di cư khỏi nông thôn ra thành phố làm việc.

Tuy nhiên, trong khi công tác xóa đói, giảm nghèo giảm khá nhanh thì tình trạng bất bình đẳng lại có xu hướng ngày càng gia tăng. Theo khảo sát của tổ chức Hurun Report, Thái Lan hiện có 50 tỷ phú USD, đứng thứ 9 trên thế giới, nhiều hơn cả các quốc gia phát triển như Pháp, Nhật Bản và Singapore. Riêng tại Bangkok, sự giàu có ngày càng trở nên rõ rệt. Hiện nay, Thái Lan là quốc gia có sự phân hóa giàu nghèo khá rõ ràng, mà ở đó 1% người giàu nhất Thái Lan kiểm soát tới 67% tổng tài sản nước này. Còn nhóm 10% người giàu nhất kiểm soát 85,7% tài sản quốc gia<sup>(10)</sup>. Nguyên nhân của thực trạng trên chủ yếu là do chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, hậu quả phát sinh từ các chính sách, biện pháp bảo hộ đối với khu vực chế tạo ở thành thị, trong khi nông nghiệp ở các vùng nông thôn nghèo, xa xôi hẻo lánh như vùng Đông Bắc hầu như bị thả nổi. Chênh lệch giữa các vùng còn trở nên trầm trọng hơn do Chính phủ không sử dụng các công cụ phân phối lại thu nhập một cách công bằng hơn. Mặt khác, tuy có tốc độ tăng trưởng cao, nhưng Thái Lan cũng là nước dẫn đầu về tốc độ khai thác tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Tăng trưởng nhanh cùng với việc khai thác triệt để mang tính thương mại hóa các nguồn tài nguyên thiên nhiên là nguyên nhân chủ yếu làm cho nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt và môi trường sinh thái bị ô nhiễm nặng nề.

*Hai là, thực hiện bảo hiểm xã hội.* Bảo hiểm xã hội bao gồm 07 chế độ: ốm đau, thai sản, tàn tật mất khả năng lao động, tử tuất, trợ cấp trẻ em, hưu trí, thất nghiệp. Ở Thái Lan, đối tượng đóng Quỹ an sinh xã hội được chia thành ba nhóm: nhóm bắt buộc, nhóm tự nguyện và nhóm lao động phi chính thức. Trong đó, nhóm bắt buộc là lao động trong các doanh nghiệp (có từ 01 lao động trở lên); nhóm tự nguyện là lao động bị chấm dứt việc làm, từng là đối tượng bảo hiểm và không hưởng trợ cấp thất nghiệp; nhóm phi chính thức tham gia trên cơ sở tự nguyện với trợ cấp của chính phủ (năm 2011, Luật sửa đổi là đối tượng lao động tự do từ 15 - 60 tuổi). Mức đóng góp vào quỹ an sinh xã hội của người lao động thay đổi tùy theo thu nhập với mức lương tối thiểu không ít hơn 1.650 bạt mỗi tháng và tối đa không vượt quá 15.000 bạt mỗi tháng. Riêng những người thu nhập dưới 1.650 bạt sẽ không phải đóng. Đối với lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc được Văn phòng An sinh xã hội (SSO) cung cấp 07 chế độ cho người tham gia. Theo quy định người sử dụng lao động và người tham gia bảo hiểm đóng như nhau 5% tiền lương, Chính phủ đóng góp khoản tiền với 2,75% của tiền công, 1,5% cho bốn chế độ đầu tiên và 0,25% cho trợ cấp thất nghiệp. Lao động tự do đóng góp hàng năm 3.360 bạt. Người sử dụng lao động đóng góp 03% và Chính phủ hỗ trợ 01%. Đối với lao động phi chính thức, người khuyết tật đóng 70 bạt/tháng và người già, tàn tật đóng 100 bạt/tháng<sup>(11)</sup>.

Thái Lan được đánh giá là quốc gia có hệ thống bảo hiểm xã hội toàn diện nhất. Hệ thống bảo hiểm xã hội được thành lập năm 1992, bao phủ bảo hiểm cho khoảng 10 triệu người lao động trong lĩnh vực tư nhân và cộng đồng. Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng đều qua các năm, từ 8,03 triệu người năm 2006 lên đến 10,65 triệu người năm 2013<sup>(12)</sup>.

*Ba là, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.* Bước sang thế kỷ XXI, Chính phủ Thái Lan đưa ra những chương trình nhằm giúp người nghèo khắc phục những khó khăn trong cuộc sống và tạo điều kiện để họ vươn

lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống. Trong những năm qua, Chính phủ Thái Lan đã tiến hành hàng loạt các hoạt động nhân văn, đảm bảo công bằng trong phân phối bằng các chính sách tiến bộ như:

Chăm sóc sức khỏe 30 bạt của Thái Lan là chính sách bao cấp chăm sóc y tế phổ thông, với mục tiêu là tất cả người dân được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế. Theo đó, những người nằm trong diện chính sách sẽ được chăm sóc sức khỏe tại cơ sở đăng ký cả khi ngoại trú lẫn nội trú. Trong trường hợp bệnh nặng sẽ được chuyển lên cơ sở y tế cao hơn. Mỗi lần khám, bệnh nhân chỉ cần chỉ trả 30 bạt viện phí, trẻ em dưới 12 tuổi, người già trên 60 tuổi và những đối tượng thuộc diện nghèo được miễn phí trên. Phần lớn tài chính cho chương trình này được lấy từ nguồn thuế thu nhập chung. Chương trình này góp phần phân phối lại thu nhập của người dân để đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội.

Với chương trình này, Thái Lan là nước duy nhất trong số các nước thu nhập trung bình thấp đã thực hiện bảo hiểm y tế bao phủ toàn dân và được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân. Hiện nay, Thái Lan đang tích cực hiện đại hóa hệ thống y tế, nghiên cứu y học để tiến kịp với trình độ của khu vực và thế giới, biến Thái Lan dần trở thành trung tâm y tế của khu vực.

Quỹ làng một triệu bạt là chương trình được triển khai năm 2001 với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tăng thu nhập và giảm chi tiêu cho người nghèo ở nông thôn. Chương trình cho phép các địa phương và người dân tự ra quyết định, tự thiết lập các dự án cho riêng mình. Từ năm 2001 đến nay, gần 18 triệu người trong số 78.000 làng tham gia chương trình này. Mức vay trung bình cho mỗi người là 16.183 bạt (tương đương 518 USD) và lãi suất 6%/năm trong vòng 1 năm<sup>(13)</sup>. Quỹ này đã đạt nhiều thành công trong việc thực hiện phân phối đến tận các làng xã trên cả nước, giúp cho các hộ gia đình nghèo tiếp cận nguồn tài chính để vươn lên làm giàu. Những chương trình trên đã góp phần xóa đói, giảm nghèo tích cực, đặc biệt là những người nghèo sinh sống ở các vùng nông thôn.

### 3. Một số kinh nghiệm từ thực hiện tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội ở Thái Lan đối với Việt Nam

*Thứ nhất*, phải đảm bảo đạt mức tăng trưởng kinh tế cao để tạo cơ sở vật chất thực hiện an sinh xã hội công bằng. Sản xuất vật chất là điều kiện quan trọng nhất, nhưng không có nghĩa bảo đảm an sinh xã hội là khía cạnh phụ thuộc hoàn toàn trước yêu cầu phát triển kinh tế.

Tăng trưởng kinh tế tạo khả năng tăng thu ngân sách nhà nước và tăng thu nhập dân cư. Nhờ có tăng trưởng kinh tế, Nhà nước và nhân dân có tích lũy để tăng chi đầu tư phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu như giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, giáo dục, y tế,... nhằm mở rộng cơ hội lựa chọn cho mọi người dân và giúp người dân ngày càng phát triển toàn diện hơn.

Không thể có an sinh xã hội khoa học trong nền kinh tế ở trình độ phát triển thấp kém (suy thoái, thiếu hụt, khủng hoảng...) và người dân còn nhiều vấn đề phải lo toan về những nhu cầu cơ bản hàng ngày của cuộc sống (như ăn, mặc, ở, đi lại, được chăm sóc sức khỏe, được giáo dục cơ bản và được hưởng các dịch vụ cần thiết khác). Nếu không có tăng trưởng kinh tế thì không thể có công bằng xã hội lâu dài và phát triển bền vững.

Cần đặt mục tiêu tăng trưởng trong mối quan hệ biện chứng. Một chính sách phát triển xã hội chủ động phải trên cơ sở nhận thức vai trò quan trọng của nhân tố xã hội và tác động qua lại giữa "cái kinh tế" và "cái xã hội". Việc tôn trọng cái xã hội và biết cách khai thác những tác động tích cực của yếu tố này đến tăng trưởng kinh tế để tạo sự cộng hưởng hai chiều sẽ tạo động lực phát triển xã hội.

*Thứ hai*, trong hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô phải đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội, giải quyết từng bước, vững chắc, đồng bộ cả hai mục tiêu tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội. Nâng cao hiệu quả chính sách vĩ mô để đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, Chính phủ phải lựa chọn mô hình thực hiện an sinh xã hội phù hợp, tránh việc thực hiện các chính sách đầu tư lệch lạc, quá ưu tiên khu vực, ngành này mà

lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống. Trong những năm qua, Chính phủ Thái Lan đã tiến hành hàng loạt các hoạt động nhân văn, đảm bảo công bằng trong phân phối bằng các chính sách tiến bộ như:

Chăm sóc sức khỏe 30 бат của Thái Lan là chính sách bao cấp chăm sóc y tế phổ thông, với mục tiêu là tất cả người dân được tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế. Theo đó, những người nằm trong diện chính sách sẽ được chăm sóc sức khỏe tại cơ sở đăng ký cả khi ngoại trú lẫn nội trú. Trong trường hợp bệnh nặng sẽ được chuyển lên cơ sở y tế cao hơn. Mỗi lần khám, bệnh nhân chỉ cần chi trả 30 бат viện phí, trẻ em dưới 12 tuổi, người già trên 60 tuổi và những đối tượng thuộc diện nghèo được miễn phí trên. Phần lớn tài chính cho chương trình này được lấy từ nguồn thuế thu nhập chung. Chương trình này góp phần phân phối lại thu nhập của người dân để đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội.

Với chương trình này, Thái Lan là nước duy nhất trong số các nước thu nhập trung bình thấp đã thực hiện bảo hiểm y tế bao phủ toàn dân và được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân. Hiện nay, Thái Lan đang tích cực hiện đại hóa hệ thống y tế, nghiên cứu y học để tiến kịp với trình độ của khu vực và thế giới, biến Thái Lan dần trở thành trung tâm y tế của khu vực.

Quý làng một triệu бат là chương trình được triển khai năm 2001 với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tăng thu nhập và giảm chi tiêu cho người nghèo ở nông thôn. Chương trình cho phép các địa phương và người dân tự ra quyết định, tư thiết lập các dự án cho riêng mình. Từ năm 2001 đến nay, gần 18 triệu người trong số 78.000 làng tham gia chương trình này. Mức vay trung bình cho mỗi người là 16.183 бат (tương đương 518 USD) và lãi suất 6%/năm trong vòng 1 năm<sup>(19)</sup>. Quý này đã đạt nhiều thành công trong việc thực hiện phân phối đến tận các làng xã trên cả nước, giúp cho các hộ gia đình nghèo tiếp cận nguồn tài chính để vươn lên làm giàu. Những chương trình trên đã góp phần xóa đói, giảm nghèo tích cực, đặc biệt là những người nghèo sinh sống ở các vùng nông thôn.

### 3. Một số kinh nghiệm từ thực tiễn tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội ở Thái Lan đối với Việt Nam

*Thứ nhất*, phải đảm bảo đạt mức tăng trưởng kinh tế cao để tạo cơ sở vật chất thực hiện an sinh xã hội công bằng. Sản xuất vật chất là điều kiện quan trọng nhất, nhưng không có nghĩa bảo đảm an sinh xã hội là khía cạnh phụ thuộc hoàn toàn trước yêu cầu phát triển kinh tế.

Tăng trưởng kinh tế tạo khả năng tăng thu ngân sách nhà nước và tăng thu nhập dân cư. Nhờ có tăng trưởng kinh tế, Nhà nước và nhân dân có tích lũy để tăng chi đầu tư phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu như giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, giáo dục, y tế,... nhằm mở rộng cơ hội lựa chọn cho mọi người dân và giúp người dân ngày càng phát triển toàn diện hơn.

Không thể có an sinh xã hội khoa học trong nền kinh tế ở trình độ phát triển thấp kém (suy thoái, thiếu hụt, khủng hoảng...) và người dân còn nhiều vấn đề phải lo toan về những nhu cầu cơ bản hàng ngày của cuộc sống (như ăn, mặc, ở, đi lại, được chăm sóc sức khỏe, được giáo dục cơ bản và được hưởng các dịch vụ cần thiết khác). Nếu không có tăng trưởng kinh tế thì không thể có công bằng xã hội lâu dài và phát triển bền vững.

Cần đặt mục tiêu tăng trưởng trong mối quan hệ biện chứng. Một chính sách phát triển xã hội chủ động phải trên cơ sở nhận thức vai trò quan trọng của nhân tố xã hội và tác động qua lại giữa "cái kinh tế" và "cái xã hội". Việc tôn trọng cái xã hội và biết cách khai thác những tác động tích cực của yếu tố này đến tăng trưởng kinh tế để tạo sự cộng hưởng hai chiều sẽ tạo động lực phát triển xã hội.

*Thứ hai*, trong hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô phải đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội, giải quyết từng bước, vững chắc, đồng bộ cả hai mục tiêu tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội. Nâng cao hiệu quả chính sách vĩ mô để đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, Chính phủ phải lựa chọn mô hình thực hiện an sinh xã hội phù hợp, tránh việc thực hiện các chính sách đầu tư lệch lạc, quá ưu tiên khu vực, ngành này mà

xem nhẹ các ngành, khu vực khác, nhất là khu vực nông thôn và ngành nông nghiệp sẽ làm cho nền kinh tế phát triển mất cân đối gây hiểm họa cho phát triển dài hạn. Do đó, Nhà nước phải có chính sách rút ngắn khoảng cách nông thôn với thành thị, thu hẹp dần khoảng cách giàu - nghèo, thu hẹp sự khác biệt giữa nông thôn - thành thị nhằm giảm bớt tình trạng bất bình đẳng xã hội thông qua cơ chế tái phân phối phần của cải được tạo ra để bảo đảm hài hòa trong xã hội.

*Thứ ba*, thực hiện an sinh xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững. An sinh xã hội bảo đảm công bằng xã hội là một trong những động lực phát triển kinh tế - xã hội vì nó là yếu tố tác động trực tiếp đến lợi ích của chủ thể hoạt động, kích thích tính năng động, sáng tạo và nhiệt tình của mọi thành viên trong xã hội. Vì thế, việc ban hành các chính sách, pháp luật sẽ tạo lập cơ sở pháp lý cần thiết để hoạt động an sinh xã hội đạt được mục tiêu và huy động nguồn lực cũng như các thiết chế phù hợp với các đối tượng được hưởng. Đây là kinh nghiệm Việt Nam cần học hỏi, đặc biệt là khi chúng ta đang từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đối với lĩnh vực an sinh xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế.

*Thứ tư*, đầu tư cho giáo dục - đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để tạo ra một đội ngũ lao động có trình độ, có năng suất lao động cao là một yếu tố bền vững trong việc đảm bảo chất lượng tăng trưởng kinh tế và là tiền đề quan trọng nhất cho việc thực hiện công bằng xã hội. Đó không chỉ đơn thuần là quyền con người, mà quan trọng hơn là cung cấp nguồn lực đầu vào cho quá trình sản xuất, đồng thời làm giảm bất bình đẳng vì sẽ tạo ra cơ hội cho các tầng lớp dân cư. Điều này góp phần vào việc nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế. Nguồn nhân lực có chất lượng cao góp phần tạo ra "kháng sinh" đủ mạnh để người dân vượt qua những rủi ro trong cuộc sống.

*Thứ năm*, phát huy vai trò năng động, sáng tạo, bản lĩnh của Nhà nước trong việc xây dựng chính sách tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội, đào tạo và sử dụng những cán bộ quản lý có năng lực, được trả lương cao, không bị chi phối bởi các nhóm lợi ích và được trao

quyền để thực hiện những sáng kiến. Đồng thời, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực của đội ngũ hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trung và dài hạn.

*Thứ sáu*, tranh thủ sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, đó là sự giúp đỡ vật chất, tinh thần, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm nhằm giúp các nước gặp khó khăn trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với an sinh xã hội. Để có thể tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, Việt Nam cần tăng cường tuyên truyền, xúc tiến các chương trình tìm kiếm viện trợ nước ngoài; sử dụng đúng mục đích đã cam kết khi nhận viện trợ; công khai, minh bạch trong việc sử dụng viện trợ quốc tế./.

#### Ghi chú:

(1) Nguyễn Minh Trí, *Quan niệm an sinh xã hội và thực hiện an sinh xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Tạp chí Triết học, số 7 (326), 2018, tr.35.

(2),(5),(11),(12),(13) Nguyễn Duy Dũng. *Giải quyết an sinh xã hội của Thái Lan, Malaysia, Philippin và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H.2015, tr.28, tr.59, tr.60 - 61, tr.81, tr.95.

(3),(8) Vũ Thị Vinh: *Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb CTQG-ST, H.2014, tr.74, tr.74.

(4) Trung Trực: *Kinh tế Thái Lan có giành lại được ngôi đầu Đông Nam Á?*, <https://motthegioi.vn/kinh-te-c-67/thi-truong-kinh-doanh-c-97/kinh-te-thai-lan-co-gianh-lai-duoc-ngoi-dau-dong-nam-a-79700.html>, ngày 13/6/2019.

(6) Lan Ngọc: *Thái Lan giảm dự báo tăng trưởng kinh tế*, <https://congthuong.vn/thai-lan-giam-du-bao-tang-truong-kinh-te-128656.html>, ngày 22/11/2019.

(7) Trần Văn Thọ: *Công nghiệp hóa trong thời đại châu Á - Thái Bình Dương*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.131.

(9),(10) Bùi Nhung: *Thái Lan - vương quốc của 50 tỷ phú và 14,5 triệu người nghèo*, <https://news.zing.vn/thai-lan-vuong-quoc-cua-50-ty-phu-va-14-5-trieu-nguoi-ngheo-post938122.html>, ngày 23/04/2019.